

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1933/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (theo định hướng nghiên cứu)

Tiếng Anh: Theory and Methodology of Teaching Language and Vietnamese

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

Mã số: 8 14 01 11

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm.

Vị trí việc làm: Thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác phù hợp với ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

Khả năng học tập nâng cao trình độ: nghiên cứu sinh ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt hoặc ngành gần.

Thời điểm điều chỉnh CTDT: 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ khoa học giáo dục (ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt) theo định hướng nghiên cứu nhằm giúp học viên bồi bổ, cập nhật và nâng cao kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục nói chung và ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt nói riêng; tăng cường kiến thức liên ngành và có kiến thức chuyên sâu trong một số lĩnh vực khoa học của lý luận dạy học Ngữ văn và năng lực vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc chuyên ngành; làm công tác quản lý chuyên môn về lĩnh vực giáo dục ngữ văn trong các cơ quan, cơ sở giáo dục và đào tạo

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Bồi dưỡng các phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu và quản lý chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn
M2	Phát triển năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác, phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc ngành lý luận và phương pháp



	dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; khả năng đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động chuyên môn
M3	Phát triển năng lực nghiên cứu và vận dụng các tri thức liên ngành về triết học, giáo dục học, ngôn ngữ học, lý luận văn học, văn học Việt Nam, văn học nước ngoài,... trong hoạt động chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp
M4	Phát triển năng lực vận dụng những tri thức chuyên sâu, tiên tiến, hiện đại trong ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt; sự am hiểu sâu một số lĩnh vực khoa học của ngành như phát triển chương trình môn Ngữ văn, dạy học và kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh...
M5	Phát triển năng lực tổ chức, quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Thể hiện tư duy, thế giới quan và phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vững chắc trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành. Trên cơ sở lý luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận giải được đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
C2	Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C3	Vận dụng được những tri thức ngôn ngữ học hiện đại và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ vào nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.
C4	Vận dụng được những tri thức lý luận văn học hiện đại và phương pháp luận nghiên cứu văn học vào nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn
C5	Vận dụng được những tri thức văn học hiện đại (văn học Việt Nam, văn học nước ngoài) vào nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn
C6	Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về phát triển chương trình giáo dục nói chung và phát triển chương trình Ngữ văn nói riêng vào nghiên cứu, xây dựng, cải tiến chương trình nhà trường, kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và bối cảnh cụ thể của nhà trường
C7	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục học, lý luận dạy học, lý thuyết đọc hiểu và phương pháp dạy học Ngữ văn vào nghiên cứu, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn dạy học đọc hiểu theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
C8	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về giáo dục học, lý luận dạy học, lý thuyết về văn bản và phương pháp dạy học Ngữ văn

	vào nghiên cứu, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn dạy học tạo lập văn bản theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh
C9	Vận dụng được những tri thức chuyên sâu, hiện đại về đánh giá trong giáo dục, đánh giá chất lượng học tập vào việc nghiên cứu, thiết kế, hướng dẫn và tổ chức đánh giá học sinh trong môn Ngữ văn
C10	Nghiên cứu và triển khai được các hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nói riêng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục Ngữ văn và thực tiễn nhà trường
C11	Triển khai được các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới trong ngành lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt; định hướng và dẫn dắt được các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục Ngữ văn

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể				
	M1	M2	M3	M4	M5
C1	X	X			X
C2		X		X	X
C3					X
C4		X	X		
C5		X	X		
C6		X	X		
C7		X		X	X
C8		X		X	X
C9		X		X	X
C10		X			X
C11		X		X	X

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Các học phần chung	09
II	Các học phần cơ sở	20
	II.1. Bắt buộc	12
	II.2. Tự chọn	08
III	Các học phần chuyên ngành	21
	III.1. Bắt buộc	12
	III.2. Tự chọn	09
IV	Luận văn tốt nghiệp	10
	TỔNG	60

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã tốt nghiệp đại học ngành đúng (*Cử nhân Sư phạm Ngữ văn*), ngành gần với ngành đăng ký dự thi như: *Cử nhân Văn học; Cử nhân Ngôn ngữ; Cử nhân Sư phạm Văn - Sử; Cử nhân Sư phạm Văn - Địa; Cử nhân Văn - Giáo dục công dân*);

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được Hiệu trưởng căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ứng với khóa học, năm học và học kì. Thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo là 2 năm đối với đối tượng học viên có bằng tốt nghiệp đại học cùng ngành đào tạo hoặc gần ngành đào tạo. Thời gian tối đa hoàn thành một chương trình đào tạo (bao gồm cả thời gian nghỉ học tạm thời được quy định trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2) không vượt quá 4 năm. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. Đánh giá học phần

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm tổng hợp đánh giá học phần từ 4,0 trở lên.

6.2.2. Đánh giá sau từng học kỳ

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kì qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

2. Điểm trung bình chung tích lũy:

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình cộng có trọng số của các điểm số đã quy đổi theo thang điểm 4 của các học phần đã học từ đầu khoá học tới thời điểm được xem xét, với trọng số là số tín chỉ của từng học phần.

6.2.3. Đánh giá luận văn thạc sĩ

1. Luận văn được đánh giá công khai bởi Hội đồng đánh giá luận văn. Nội dung đánh giá tập trung vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu của luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giả quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn (tối đa 9 điểm) và điểm thành tích nghiên cứu (tối đa 1 điểm). Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình

TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Tự học, Tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	
I	Các học phần chung		9				
1.	Triết học	PHIL 501	4	42	36		120
2.	Tiếng Anh	ENGL 504	5	45	30		150
II	Các học phần cơ sở		20				
II.1	Bắt buộc		12				
3.	Thi pháp học	LITE 551	3	30	30		60
4.	Ngôn ngữ và văn học	LITE 552	3	30	30		60

5.	Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học	LITE 553	3	30	30			60
6.	Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường	LITE 554	3	30	30			60
II.2	Tự chọn (chọn 04 trong 10 học phần)		8					
7.	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	CMMS 503	2	15	30			60
8.	Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông	LLTM 561	2	15	30			60
9.	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	LLTM 562	2	15	30			60
10.	Tiếp nhận văn học	LLTM 563	2	15	30			60
11.	Những vấn đề lý luận của văn học so sánh	LLTM 564	2	15	30			60
12.	Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam	LLTM 565	2	15	30			60
13.	Văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945	LLTM 566	2	15	30			60
14.	Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975	LLTM 567	2	15	30			60
15.	Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng	LLTM 568	2	15	30			60
16.	Ngôn ngữ nghệ thuật	LLTM 569	2	15	30			60
III	Các môn chuyên ngành		21					
III.1	Bắt buộc		12					
17.	Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông	LLTM 571	3	30	30			60
18.	Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM 572	3	30	30			60
19.	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn	LLTM 573	3	30	30			60
20.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn	LLTM 574	3	30	30			60
III.2	Tự chọn (chọn 3 trong 8 học phần)		09					
21.	Chương trình môn Ngữ văn ở trường nhà phổ thông Việt Nam – lịch sử và đổi sánh	LLTM 581	3	30	30			60

22.	Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực	LLTM 582	3	30	30			60
23.	Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương	LLTM 583	3	30	30			60
24.	Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn	LLTM 584	3	30	30			60
25.	Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học	LLTM 585	3	30	30			60
26.	Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học	LLTM 586	3	30	30			60
27.	Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin	LLTM 587	3	30	30			60
28.	Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức	LLTM 588	3	30	30			60
IV	Luận văn tốt nghiệp		10					
TỔNG			60					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra										
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11
PHIL 501	T										
ENGL 504		T									
LITE 551				T							
LITE 552			T								
LITE 553					T						
LITE 554						T				T	
CMMS 503							T				
LLTM 561				T							
LLTM 562					T					T	
LLTM 563				T							
LLTM 564				T							
LLTM 565					T						
LLTM 566					T						
LLTM 567					T						
LLTM 568			T								
LLTM 569			T								
LLTM 571						T					
LLTM 572							T				

LLTM 573								T		
LLTM 574									T	
LLTM 581						T				
LLTM 582							T			
LLTM 583			T				I			
LLTM 584							T			
LLTM 585								T		
LLTM 586								T		
LLTM 587							T	T		
LLTM 588							T	T		

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học

Học phần được bố trí giảng dạy - học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành KHXH&NV nhằm bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; Học phần còn góp phần hình thành phẩm chất chính trị cho người học và bồi trợ tri thức, hình thành nền tảng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn trong nghiên cứu các môn khoa học chuyên ngành.

8.2. Tiếng Anh

Học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo Thạc sỹ có khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B1 (tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) truyền đạt cho người học, cùng với quá trình rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) ở trình độ này.

8.3. Thi pháp học

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như: một số vấn đề cơ bản của thi pháp học hiện đại (quan niệm, đối tượng, cách tiếp cận đặc trưng; phân biệt thi pháp học với phong cách học, lý luận văn học); những khuynh hướng nghiên cứu và thành tựu của thi pháp học (Thi pháp học khái quát, Thi pháp học mô tả, Thi pháp học lịch sử); Tiềm năng và những giới hạn của thi pháp học. Học phần cung cấp một hướng giải mã văn bản văn học, có mối quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.4. Ngôn ngữ và văn học

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học; giúp người học hiểu, giải thích được bản chất của hoạt động giao tiếp văn chương, đặc biệt là vai trò của tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm văn chương. Từ đó vận dụng những tri thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn chương, về tín hiệu thẩm mĩ văn chương để phục vụ hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông và phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học thuộc ngành ngôn ngữ như *Ngôn ngữ nghệ thuật, Phong cách học - Những vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn tiếng Việt, Những vấn đề cơ bản của từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*

8.5. Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khoa học về phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học. Từ đó, người học có thể ứng dụng vào việc nghiên cứu và giảng dạy cụ thể tác giả, tác phẩm, đặc biệt là các tác phẩm văn học được giảng dạy trong trường phổ thông. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập.*

8.6. Xu thế quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và văn học trong nhà trường

Học viên tiếp tục nghiên cứu mở rộng vấn đề dạy học môn Ngữ văn trong bối cảnh quốc tế với các xu hướng đổi mới. Thông qua học phần này, học viên được tiếp cận với các nghiên cứu quốc tế về ngôn ngữ và văn học, đánh giá theo tiếp cận năng lực, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới thiết kế bài học... Đồng thời giúp học viên rèn luyện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong quá trình nghiên cứu và học tập của chuyên ngành. Học phần có mối quan hệ gần với các học phần ngành lý luận và phương pháp bộ môn Văn – tiếng Việt.

8.7. Chương trình, phương pháp kỹ năng dạy học hiện đại

Học phần trang bị cho học viên những lý thuyết nền tảng của Lý luận dạy học hiện đại, giới thiệu những tiền đề lý thuyết khoa học và các kỹ năng phát triển chương trình, kỹ năng dạy học và phương pháp dạy học hiện đại hướng vào người học, hoạt động học tập và sự phát triển của người học. Học phần có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần trong ngành đào tạo như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;*

8.8. Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường phổ thông

Học phần này có vai trò quan trọng đối với việc đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận văn học bởi thực tiễn đã cho thấy đại bộ phận học viên cao học ngữ văn trong các trường ĐHSP là GV phổ thông và SVSP mới tốt nghiệp. Ở trình độ Đại học, người học mới được tìm hiểu về các vấn đề Lý luận văn học. Đến bậc học thạc sĩ, học viên tiếp tục được ứng dụng các lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn một cách có hiệu quả. Học phần thể hiện sự ứng dụng của lý thuyết lý luận văn học vào thiết kế và dạy học Ngữ văn, do đó có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học *Tiếp nhận văn học, Thi pháp học, ...* và những học phần về ngành phương pháp như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.9. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông

Người học đi sâu nghiên cứu, phân tích những đặc trưng cơ bản của văn học nước ngoài; những khó khăn khi giảng dạy văn học nước ngoài ở phổ thông; giúp người học phát triển khả năng cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học trên cơ sở so sánh các văn bản văn học trong và ngoài nước. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần về ngành phương pháp như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập, Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn,*

8.10. Tiếp nhận văn học

Học phần đi vào một phần lý thuyết hiện đại của lý luận văn học là mĩ học tiếp nhận. Trước đây, người ta chưa nhận thức đúng mức vai trò của người đọc trong hoạt động văn học, tuy nhiên khi lý thuyết tiếp nhận ra đời và được ứng dụng, vai trò của người đọc đã được nâng lên một tầm mức mới. Lúc này, nghiên cứu văn học được định hình như là những cách đọc xuất phát từ những lý thuyết khác nhau mà mỗi lý thuyết là một cách nhìn về tác phẩm. Người học có điều kiện đi sâu vào tìm hiểu các vấn đề của lý thuyết tiếp nhận văn học hiện đại và cách ứng dụng lý thuyết này vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học. Học phần quan tâm đến sự giải mã văn học của người đọc, có quan hệ chặt chẽ với những học phần lý luận văn học như *Thi pháp học*, *Những vấn đề lý luận của văn học so sánh* và các học phần văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, ngôn ngữ trong chương trình như *Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông*, *Văn xuôi lăng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945*, *Ngôn ngữ nghệ thuật*

8.11. Những vấn đề lý luận của văn học so sánh

Học phần cung cấp cho người học những tri thức mang tính lý luận về văn học so sánh như: Lịch sử ra đời, những quan niệm về văn học so sánh; mục đích, đối tượng, phạm vi... của văn học so sánh; Những vấn đề lý luận và thực tiễn đang tồn tại của văn học so sánh trên thế giới và ở Việt Nam. Qua đó, học viên có những hiểu biết sâu rộng về các vấn đề của văn học so sánh – một hướng nghiên cứu văn học có khả năng ứng dụng cao. Học phần có quan hệ chặt chẽ với học phần *Tiếp nhận văn học*.

8.12. Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam

Học phần nhấn mạnh những đặc trưng của văn học Việt Nam trung đại: quy phạm - bất quy phạm, văn tự, thể loại, khuynh hướng sáng tác, ngôn ngữ...; đặt tác phẩm văn học trung đại trong bối cảnh văn hóa đương thời. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.13. Văn xuôi lăng mạn và văn xuôi hiện thực giai đoạn 1930-1945

Học phần tiếp tục mở rộng, đào sâu phát triển các nội dung khoa học về văn xuôi Việt Nam 1930 -1945; nâng cao trình độ nghiên cứu và giảng dạy văn xuôi Việt Nam hiện đại trong trường THPT; phát triển các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề văn xuôi hiện đại một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.14. Đổi mới thơ Việt Nam sau 1975

Học phần bổ sung, cập nhật những phương pháp tiếp cận khoa học về thơ; phát triển những kỹ năng và phương pháp nghiên cứu các vấn đề về thơ Việt Nam 1945 -1975 một cách khoa học và có hiệu quả. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác trong CTĐT như: *Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học*, *Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông*, *Tiếp nhận văn học*, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.15. Những vấn đề hiện đại của ngôn ngữ học ứng dụng

Học phần tập trung vào một số nội dung có tính thời sự trong đời sống ngôn ngữ - xã hội ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay, đó là vấn đề ngôn ngữ trong giáo dục (dạy-học tiếng mẹ đẻ, ngoại ngữ; vấn đề lựa chọn ngôn ngữ giảng dạy trong môi trường đa ngữ; vấn đề kế hoạch hóa ngôn ngữ trong giảng dạy; chính sách ngôn ngữ trong giáo dục v.v); vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội (sử dụng ngôn ngữ trong nhà trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng); vấn đề dịch, từ điển học, bệnh lý ngôn ngữ; quan hệ giữa ngôn ngữ và luật pháp (ngôn ngữ học hình sự). Từ những tri thức này, người học có thể vận dụng vào hoạt động giảng dạy hoặc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng nói riêng. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần thuộc ngành Ngôn ngữ Việt Nam như *Ngôn ngữ và văn học*.

8.16. Ngôn ngữ nghệ thuật

Học phần *Ngôn ngữ nghệ thuật* cung cấp cho học viên Cao học ngành Ngôn ngữ học các nội dung nghiên cứu về: Cơ sở lý thuyết của việc tiếp cận ngôn ngữ nghệ thuật (Những vấn đề chung về nghệ thuật, lý thuyết tín hiệu học và lý thuyết ngôn ngữ học, cơ sở tâm lý học-văn hóa học), bản chất và chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật, đặc trưng của văn bản nghệ thuật; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau. Từ những tri thức đó, người học có thể vận dụng vào thực tiễn dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông hoặc vận dụng vào mục đích nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật. Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần trong ngành đào tạo như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập...*

8.17. Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông

Học phần trang bị cho học viên những vấn đề lý thuyết căn bản và nhiều bình diện về đọc hiểu, đọc hiểu văn học từ lý thuyết, lịch sử đến hệ thống các chiến thuật, kĩ thuật dạy học đọc hiểu văn học. Học phần có quan hệ mật thiết với các học phần cơ sở về nghiên cứu và giảng dạy văn học đồng thời có sự tương tác với các học phần ngành như: *Ngôn ngữ và văn học, Phương pháp nghiên cứu tác giả, tác phẩm văn học, Ứng dụng lý thuyết lý luận văn học vào xây dựng chương trình và giảng dạy môn Ngữ văn ở trường Phổ thông, Tiếp nhận văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;*

8.18. Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn

Học phần mở rộng, đào sâu vào những kiến thức có tính hệ thống, nâng cao về dạy tạo lập các loại văn bản theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đặc biệt, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về vấn đề năng lực tạo lập văn bản của HS trung học (cấu trúc, thành tố, các chỉ số hành vi) và các cách thức, biện pháp dạy học để phát triển các thành tố trong cấu trúc năng lực tạo lập văn bản của HS. Học phần có liên quan mật thiết đến các học phần cơ sở về ngôn ngữ và các học phần chuyên ngành: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới*

và hội nhập; Chiến lược; kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kĩ thuật viết cho học sinh trung học; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học;....

8.19. Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn

Tiếp nối những nội dung cơ bản đã có về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS nói chung và kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn nói riêng ở trình độ đại học, học phần này trang bị cho học viên lý luận đổi mới đánh giá quá trình, kết quả học tập môn Ngữ văn của HS ở trường trung học theo định hướng phát triển năng lực. Trong đó, người học sẽ được học sâu về: các thang đo trong đánh giá năng lực; các công cụ chủ yếu trong đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo tiếp cận năng lực; các nguyên tắc và quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác của ngành và môn học cơ sở ngành là “*Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập*”.

8.20. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn

Ké thừa những kiến thức, kĩ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ở trình độ đại học, học viên sẽ tiếp tục được phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, cụ thể là khoa học giáo dục Ngữ văn, trong đó, học viên sẽ được học tập, nghiên cứu sâu về các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính; được trang bị thêm và hướng dẫn vận dụng một số phương pháp nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn cũng như quy trình, cách thức tiến hành một đề tài luận văn cao học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác của ngành như: *Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn;*

8.21. Chương trình môn Ngữ văn ở trường nhà phổ thông Việt Nam – lịch sử và đổi sánh

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận chung về chương trình và chương trình giáo dục theo các quan điểm tiếp cận tiên tiến trên thế giới; nội dung chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam qua giai đoạn lịch sử: trước 1945, từ 1945 đến 1975, từ 1975 đến 2000 và từ năm 2000 đến nay; những nội dung về vấn đề phát triển chương trình GDPT môn Ngữ văn qua cái nhìn đổi sánh. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn chuyên ngành: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.22. Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu những vấn đề lý luận về câu hỏi đọc hiểu văn bản văn học như: câu hỏi trong dạy học đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; câu hỏi đọc hiểu trong SGK nước ngoài (Hoa Kì, Singapore...); thiết kế câu hỏi đọc hiểu theo tiếp cận năng lực; sử dụng câu hỏi đọc hiểu trong dạy học văn theo CT, SGK Ngữ văn mới. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học, Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.23. Kí hiệu học văn học và ứng dụng trong dạy học đọc hiểu văn bản văn chương

Đây là học phần giúp học viên nghiên cứu sâu một số vấn đề lý luận về lí thuyết kí hiệu học (khái niệm; lịch sử hình thành, phát triển; đối tượng, phạm vi nghiên cứu và những luận điểm cơ bản của lí thuyết kí hiệu học văn học); đồng thời nghiên cứu về việc ứng dụng những thành tựu của lí thuyết kí hiệu học vào dạy học đọc hiểu văn bản văn học trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Tiếp nhận văn học; Những vấn đề lý luận của văn học so sánh; Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực,...*

8.24. Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn

Học sinh - bạn đọc sáng tạo là tư tưởng đổi mới có tính đặc thù của dạy học tác phẩm văn chương ở trường phổ thông. Trong xu thế đổi mới dạy học đọc hiểu văn học, người GV cần nắm chắc những nội dung cơ bản của định hướng này đồng thời biết cách thực hiện tư tưởng đổi mới đó. Học phần giúp học viên nghiên cứu chuyên sâu hơn về nội dung cơ bản: Những tiền đề lý luận và thực tiễn, đa ngành và liên ngành, truyền thống và hiện đại, trong nước và nước ngoài của dạy học tác phẩm văn chương theo hướng phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh; Đặc trưng của hoạt động dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường. Học phần có quan hệ mật thiết với các môn ngành như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Chiến lược, kỹ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh trung học.*

8.25. Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh trung học

Đây là học phần có nhiệm vụ giúp học viên có điều kiện nghiên cứu những nội dung cơ bản về kỹ năng viết và cách thức rèn kỹ năng này trong quá trình dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông theo yêu cầu đổi mới. Theo đó những nội dung nâng cao hơn so với chương trình đại học của học phần này là thực tiễn nghiên cứu về kỹ năng viết, dạy viết trong SGK nước ngoài; các chiến lược viết; xây dựng hồ sơ viết... Học phần này có mối quan hệ với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ;

8.26. Phát triển kỹ năng nói cho học sinh trung học

Theo chương trình Ngữ văn 2018, dạy học kỹ năng nói được triển khai nhằm đáp ứng tính thời sự của yêu cầu đổi mới giáo dục. Học phần này vừa tiếp nối vừa mở rộng nâng cao hơn so với chương trình đại học trong các nội dung: kỹ năng nói và vấn đề phát triển kỹ năng này cho HS; phương pháp phát triển kỹ năng này cho HS phổ thông. Học phần có quan hệ chặt chẽ với các học phần Ngôn ngữ và văn học, *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin; Biện pháp phát huy vai trò bạn đọc sáng tạo của học sinh trong dạy đọc văn; Câu hỏi dạy học đọc hiểu văn bản văn học theo tiếp cận năng lực; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn;*

8.27. Văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin

Trên cơ sở những kiến thức sơ giản về văn bản thông tin và phương pháp dạy đọc văn bản thông tin được trang bị ở bậc Đại học, học viên sẽ được nghiên cứu sâu về văn bản thông tin: các quan niệm về văn bản thông tin trong và ngoài nước; văn bản thông tin trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Tiếp nhận văn học; Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học;*

8.28. Văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức

Học phần giúp học viên nghiên cứu sâu về văn bản đa phương thức: các quan niệm về văn bản đa phương thức trong và ngoài nước; văn bản đa phương thức trong SGK nước ngoài; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản đa phương thức. Học phần có quan hệ mật thiết với hầu hết các môn cơ sở ngành và ngành về văn học và giáo dục văn học như: *Ngôn ngữ và văn học; Dạy học Ngữ văn trong xu thế đổi mới và hội nhập; Tiếp nhận văn học; Chiến lược, kĩ thuật đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn; Phát triển kĩ năng nói cho học sinh trung học;*

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nhà trường

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy.
- Tổ chức, quản lý quá trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

- Công bố công khai trên website của Trường: văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy.

9.2. Phòng Đào tạo

- Làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo;
- Phối hợp với Khoa và Tổ chuyên môn để tổ chức và quản lý việc đào tạo theo đúng Quy định Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường.

9.3. Khoa Ngữ văn

- Xây dựng và và định kỳ rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy.
- Tiếp nhận và quản lý học viên trong suốt quá trình đào tạo;
- Phối hợp tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt.
- Phối hợp quản lý việc học tập, việc thi và nghiên cứu của học viên;

9.4. Bộ môn PPDH Ngữ văn

- Phối hợp cùng Khoa và Phòng Đào tạo trong công tác quản lý, tổ chức đào tạo.

9.5. Giảng viên giảng dạy và hướng dẫn

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch, chương trình đào tạo, các quy định hiện hành của Trường và của nhà nước liên quan đến đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tư vấn, giúp đỡ học viên trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia các hoạt động rà soát, cập nhật chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

9.6. Học viên

- Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.
- Phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của Trường về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định. 

